

Số: /KH- UBND

Tiên Lục, ngày 19 tháng 02 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Rà soát, bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn xã Tiên Lục

Thực hiện Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 16/8/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Lạng Giang; UBND xã Tiên Lục xây dựng Kế hoạch rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình bổ sung năm 2024 trên địa bàn xã như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Rà soát, đánh giá đúng thực trạng đời sống nhân dân ở địa phương; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giảm nghèo ở từng thôn và chung trong toàn xã; xác định chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình của từng thôn và toàn xã có đến cuối năm 2023 làm cơ sở cho các cấp, các ngành lập kế hoạch thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn trong năm 2024.

##### 2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện từ thôn, trực tiếp đối với từng hộ gia đình, theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ- TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người đã được tập huấn về nghiệp vụ rà soát, nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn.

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

e) Kết thúc cuộc rà soát, UBND xã phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo từng thôn và cập nhật bổ sung ngay thông tin về thành viên, đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý sau khi có quyết định công nhận.

## **II. TIÊU CHÍ VÀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU; ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHẠM VI RÀ SOÁT**

### **1. Tiêu chí và chuẩn nghèo đa chiều**

Tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

#### **1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều**

##### a) Tiêu chí thu nhập:

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng;

##### b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) việc làm; (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình; (3) dinh dưỡng; (4) bảo hiểm y tế; (5) trình độ giáo dục của người lớn; (6) tình trạng đi học của trẻ em; (7) chất lượng nhà ở; (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người; (9) nguồn nước sinh hoạt; (10) nhà tiêu hợp vệ sinh; (11) sử dụng dịch vụ viễn thông; (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

#### **1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình**

##### a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên;

##### b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;

##### c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng;

### **2. Đối tượng, nội dung, phạm vi rà soát**

#### **2.1. Đối tượng rà soát**

a) Toàn bộ hộ gia đình hiện tại đang có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện do UBND xã đang quản lý;

b) Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## 2.2. Nội dung rà soát

Căn cứ chuẩn nghèo và quy trình, thủ tục rà soát, đánh giá xác định những hộ nghèo, cận nghèo mới phát sinh, số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023.

## 2.3. Phạm vi, thời điểm rà soát

2.3.1. Rà soát toàn bộ số hộ gia đình trên địa bàn xã.

2.3.2. Thời gian rà soát: Thực hiện từ ngày 20/02/2024 đến hết ngày 10/3/2024.

## III. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

**1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:** Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN- BLĐT BXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

+ Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm  $A < 140$  điểm và điểm  $B > 30$  điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm  $A < 175$  điểm và điểm  $B > 30$  điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm  $A < 140$  điểm và điểm  $B < 30$  điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm  $A < 175$  điểm và điểm  $B < 30$  điểm ở khu vực thành thị.

**2. Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:**

a) Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH.

**3. Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện**

như sau:

Ban Chỉ đạo rà soát xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

**4.** Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH .

**5.** Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH.

**6.** Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn theo Mẫu số 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH.

b) Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo các mẫu từ Mẫu số 7.1 đến Mẫu số 7.11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐT BXH.

Thu thập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mẫu biểu tại Công văn số 2752/LĐT BXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**7.** Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN- BLĐT BXH.

#### **IV. TỔ CHỨC RÀ SOÁT**

**1.** Ban rà soát thôn thực hiện rà soát các hộ gia đình trên địa bàn theo đúng trình tự 6 bước quy trình rà soát quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**2.** Khảo sát thu thập thông tin theo hướng dẫn quy định tại phần III của Kế hoạch này.

**3.** Kết quả rà soát được niêm yết công khai đảm bảo sự giám sát của nhân dân và Ban giám sát các cấp.

**4.** Ban rà soát thôn báo cáo kết quả rà soát với Chủ tịch UBND xã.

**5.** Chủ tịch UBND xã báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Chủ tịch UBND huyện (*qua Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội*) về kết quả rà soát hộ nghèo,

hộ cận nghèo trên địa bàn; sau khi thẩm định, cấp huyện thông báo kết quả để Chủ tịch UBND xã ký quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

## **V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ**

### **1. Tiến độ thực hiện**

- Thành lập Ban chỉ đạo xã, ban rà soát bổ sung tổ chức triển khai thực hiện rà soát bổ sung xong trước ngày 20/3/2024.

- Từ ngày 20/02/2024 đến ngày 10/03/2024: Các thôn tổ chức rà soát, thống kê ở cơ sở và báo cáo kết quả rà soát về Ban chỉ đạo xã.

- Từ ngày 11/03/2024 đến ngày 16/03/2024: Ban chỉ đạo xã nghiệm thu, tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát về Phòng lao động TB - XH huyện.

- Từ ngày 16/03/2024 đến 20/03/2024: Ban chỉ đạo xã báo cáo kết quả chính thức về Ban chỉ đạo huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

### **2. Tổng hợp báo cáo kết quả**

Tổng hợp, báo cáo theo các mẫu biểu kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

### **3. Phúc tra kết quả điều tra, rà soát**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy kết quả tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các thôn chưa phản ánh chính xác, khách quan, trung thực tình hình kinh tế- xã hội của địa phương hoặc có ý kiến khiếu nại của người dân về kết quả rà soát, Ban chỉ đạo xã tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở những địa bàn cần thiết, thông báo công khai để Nhân dân biết, trước khi UBND xã làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Công chức Văn Phòng thống kê xã**

- Tham mưu thành lập bổ sung Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo do Phó Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban chỉ đạo, thành viên Ban chỉ đạo gồm: Trưởng ngành đoàn thể công chức Tài chính- Kế toán, công chức Địa chính- Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường, công chức Văn hóa- Xã hội, Trạm y tế, các trường học trên địa bàn; đại diện Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phụ trách xã.

- Hướng dẫn nghiệp vụ, đôn đốc các thôn thực hiện rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đúng quy trình và tiến độ quy định.

- Tham mưu kiểm tra và phúc tra kết quả rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận

nghèo của các thôn trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân có liên quan đến rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (nếu có).

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Tổ chức cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chỉ đạo của tỉnh.

**2. Công chức Tài chính- Kế toán:** Chủ trì, phối hợp với Công chức Văn phòng thống kê tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện cuộc rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

### **3. Công chức Văn hóa- Xã hội (Phụ trách Văn hóa- Thông tin)**

- Tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh về nội dung của các văn bản: Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Kế hoạch rà soát của UBND xã đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo biết để nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện cuộc rà soát.

### **4. Các thành viên Ban chỉ đạo xã**

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công để phối hợp chỉ đạo thực hiện tốt Kế hoạch rà soát của xã.

- Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả rà soát tại địa bàn được phân công phụ trách; Thường xuyên báo cáo Ban chỉ đạo xã (*qua Công chức Văn hóa- xã hội - phụ trách Lao động- Thương binh và Xã hội*) để biết, kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, nhằm đảm bảo thực hiện Kế hoạch hoàn thành đúng thời gian quy định.

### **5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ngành, đoàn thể**

- Đề nghị Ủy ban MTTQ và các ngành, đoàn thể: Phối hợp với UBND xã tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tham gia giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở địa phương, đảm bảo kết quả rà soát dân chủ, khách quan và trung thực.

## 6. Các thôn trên địa bàn xã

- Tham mưu danh sách Ban rà soát ở thôn (*gọi tắt là Ban rà soát thôn*) do Trưởng thôn làm Trưởng ban, đại diện cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, điều tra viên làm thành viên gửi về UBND xã (*qua Công chức Văn hóa- xã hội - phụ trách Lao động- Thương binh và Xã hội*) để thành lập Ban rà soát các thôn. Ban rà soát thôn có nhiệm vụ thực hiện việc khảo sát, xác định, phân loại hộ gia đình, tổ chức thu thập thông tin ghi phiếu đến từng hộ; tổ chức họp nhân dân để thông qua kết quả rà soát, lập danh sách, niêm yết công khai hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn và báo cáo cấp trên theo quy định.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu, phương pháp rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

## VII. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã Tiên Lục. Các thành viên Ban chỉ đạo, ban rà soát các thôn căn cứ Kế hoạch này để triển khai tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Thường trực Ban chỉ đạo xã để giải quyết kịp thời./.

### **Nơi nhận:**

- Phòng LĐTBXH huyện Lạng Giang;
- TT Đảng ủy, TT HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các thành viên BCĐ rà soát hộ nghèo, cận nghèo;
- Lưu: VT, BCĐ.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Lâm**

**UBND XÃ TIÊN LỤC**

**KẾ HOẠCH, CHỈ TIÊU BỔ SUNG GIẢM NGHÈO NĂM 2023**

TT	Thôn/tổ dân phố	Tổng số hộ dân cư		Kế hoạch giảm nghèo				Kế hoạch bổ sung
				Tổng số hộ nghèo đầu kỳ		Hộ nghèo cuối kỳ		
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	NGOÀI	487	1.928	12	2,49	8	1,6	0
2	TRONG	339	1.344	10	2,98	8	2,3	0
3	VÀNG	167	668	7	4,19	5	2,9	0
4	NGOẶN	429	1.680	13	3,10	9	2,1	1
5	GIỮA	356	1.424	8	2,25	6	1,7	0
6	GIÉNG	285	1.140	8	2,81	6	2,1	0
7	TÂY	425	1.668	13	3,12	9	2,1	1
8	CẦU GỖ TÁM SÀO	415	1.660	9	2,17	7	1,7	0
9	BÃI CẢ ĐỒNG KIM	387	1.516	11	2,90	8	2,1	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.290</b>	<b>13.028</b>	<b>91</b>	<b>2,77</b>	<b>66</b>	<b>2</b>	<b>2</b>